

VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ MỘT SỐ LÝ THUYẾT QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM

★ PGS, TS THÁI VĂN LONG

*Viện Quan hệ quốc tế,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Bối cảnh thế giới hiện nay đang có những biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, buộc các quốc gia, trong đó có Việt Nam phải đánh giá, nhận thức đúng tình hình, làm cơ sở cho việc thích ứng, xây dựng chính sách đối ngoại phù hợp, để vừa bảo vệ, vừa phát huy vai trò, vị thế của mình trong hội nhập quốc tế, phát triển đất nước. Việt Nam vận dụng quan điểm quốc tế của chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, phương pháp luận cho việc đánh giá, nhận thức tình hình thế giới, đồng thời, tham khảo các lý thuyết quan hệ quốc tế để xây dựng đường lối đối ngoại. Bài viết phân tích, làm rõ sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, cùng một số lý thuyết quan hệ quốc tế trong quá trình xây dựng đường lối đối ngoại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bài viết chất lọc từ kết quả nghiên cứu của Đề tài KX. 04.36/21-25 của Ban Đối ngoại Trung ương do đồng chí Lê Hoài Trung làm Chủ nhiệm.

● **Từ khóa:** chủ nghĩa Mác - Lênin; lý thuyết quan hệ quốc tế.

1. Quan điểm quốc tế của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng của Việt Nam vào việc xây dựng đường lối đối ngoại

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết về sự phát triển của xã hội loài người, không phải là lý thuyết quan hệ quốc tế, nhưng quan điểm duy vật, biện chứng, khách quan, toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin cho chúng ta một thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong phân tích, nhận thức thế giới đầy biến động hiện nay. Đảng và Nhà nước Việt Nam lấy chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Vì vậy, đây là căn cứ cơ bản nhất để Việt Nam hoạch định và triển khai đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, nhờ sự phát triển của lực lượng sản xuất, với động lực chính là cách mạng công nghiệp, quan hệ quốc tế phát triển, mở rộng trong hình thái tư bản chủ nghĩa. C.Mác và Ph.Ăngghen sử dụng thế giới quan duy vật biện chứng trong phân tích, đánh giá tình

hình thế giới, từ đó khẳng định, quốc tế hóa là xu thế khách quan, gắn liền với quá trình phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa; cách mạng cộng sản chủ nghĩa là cuộc cách mạng có tính chất toàn thế giới, đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản là tất yếu.

Sự thắng thế của giai cấp tư sản trên toàn thế giới dẫn đến sự mở rộng quan hệ quốc tế, giúp hình thành thị trường, tạo ra các liên kết kinh tế, chính trị xuyên quốc gia trên phạm vi thế giới.

C.Mác xác định giai cấp vô sản là một chủ thể quan hệ quốc tế cơ bản; coi sự đoàn kết, thống nhất ý chí và phối hợp hành động của giai cấp công nhân toàn thế giới là một nội dung cơ bản, nguyên tắc hàng đầu của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đưa ra khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại”.

V.I.Lênin đã kế thừa và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen trong bối cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi CNTB đã bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, xuất hiện các tập đoàn độc quyền và liên kết, cạnh tranh ở tầm khu vực bắt đầu lan rộng ra toàn cầu. V.I.Lênin phát hiện ra quy luật phát triển không đều của sự vận động xã hội, nhất là trong xã hội tư bản; bổ sung và phát triển quan điểm đoàn kết quốc tế, đưa ra một kiểu quan hệ quốc tế mới về chất so với quan hệ quốc tế tư bản chủ nghĩa và quan điểm về quyền tự quyết dân tộc, bình đẳng giữa các chủ thể quan hệ quốc tế, chung sống hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

Theo V.I.Lênin, quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc là quyền tự quyết về chính trị; quyền phân lập về mặt nhà nước của các dân tộc đó ra khỏi tập thể dân tộc khác, là sự thành lập “một quốc gia dân tộc độc lập”. Quyền dân tộc tự quyết là quyền của một dân tộc có thể tách ra khỏi một dân tộc khác đang áp bức họ, trở thành một quốc gia - dân tộc độc lập với việc tự quyết định thể chế chính trị của mình. V.I.Lênin khẳng định: “Khẩu hiệu của chúng ta: trước đây và bây

giờ là chung sống hòa bình với các chính phủ khác... Bản thân cuộc sống đã khiến chúng ta và các nước khác phải xây dựng mối quan hệ lâu dài giữa chính phủ công nông với chính phủ của giai cấp tư sản”⁽¹⁾.

Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng quan điểm quốc tế của chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng đường lối đối ngoại

Vận dụng trong phân tích bối cảnh quốc tế

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nước ta là một bộ phận của thế giới. Tình hình của nước ta có ảnh hưởng đến thế giới, mà tình hình thế giới cũng có quan hệ đến nước ta”⁽²⁾, trong đó nội lực đóng vai trò quyết định phải giữ vững độc lập, tự chủ; trên cơ sở nội lực, phải khôn khéo, có những biện pháp để phát huy ngoại lực, “muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁽³⁾. Người quan niệm đối ngoại là một mặt trận, “Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù”⁽⁴⁾.

Xuất phát từ những luận điểm nền tảng, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã đổi mới tư duy, phân tích, đánh giá tình hình thời cuộc một cách toàn diện và đúng đắn. Trước những biến động của tình hình, Đảng ta luôn kiên định lập trường, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định rõ quy luật tiến hóa của lịch sử: “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”.

Xuất phát từ những luận điểm nền tảng, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã đổi mới tư duy, phân tích, đánh giá tình hình thời cuộc một cách toàn diện và đúng đắn. Trước những biến động của tình hình, Đảng ta luôn kiên định lập trường, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định rõ quy luật tiến hóa của lịch sử: “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”⁽⁵⁾.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá bối cảnh tình hình quốc tế những thập niên cuối thế kỷ XX, với nhận thức Việt Nam là một bộ phận của thế giới, Đảng ta chủ trương mở cửa, hội nhập quốc tế, thực hiện hoạch định và triển khai hội nhập kinh tế quốc tế trước, sau đó mới thực hiện hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng. Tư duy duy vật biện chứng, cách nhìn nhận toàn diện, khách quan, cụ thể, khoa học cả hai mặt thách thức và cơ hội của tình hình quốc tế được Đảng ta thể hiện ngày càng rõ.

Các kỳ Đại hội của Đảng từ Đại hội VIII (năm 1996), Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (năm 2006) đã ngày càng làm sâu sắc nội hàm khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội XI của Đảng (năm 2011) chủ trương triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế được triển khai mạnh mẽ từ khi bước sang thế kỷ XXI, sau đó mở rộng sang hội nhập các lĩnh vực khác, hình thành chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Từ “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác”⁽⁶⁾ sang “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”⁽⁷⁾ là một bước phát triển tư duy đối ngoại quan trọng của Đảng.

Đến Đại hội XIII, Đảng nhận định: “Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thỏa

hiệp, nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới”⁽⁸⁾, phát triển tư duy hội nhập quốc tế tiến thêm một bước mới quan trọng: “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng”⁽⁹⁾.

Vận dụng trong lựa chọn mục tiêu, định hướng phát triển

Đảng ta đã xác định rõ mục tiêu hội nhập quốc tế của Việt Nam là giữ gìn hòa bình, ổn định, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về hội nhập quốc tế, Đại hội XII của Đảng đã xác định mục tiêu tổng quát của đường lối đối ngoại trong thời kỳ mới là “Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới”⁽¹⁰⁾.

Tiếp nối quan điểm trên, Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi”⁽¹¹⁾.

Vận dụng trong lựa chọn ưu tiên đối ngoại, hợp tác

Trong hơn 35 năm đổi mới, việc nhận diện đối tác, đối tượng, xử lý mối quan hệ giữa đối tác, đối tượng luôn được Đảng ta quan tâm, chú trọng. Đến Đại hội XIII, Đảng ta phát triển và nhấn mạnh: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại (...) Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”⁽¹²⁾.

Vận dụng trong xác định phương châm đối ngoại, xử lý các vấn đề quốc tế

Đảng ta nêu rõ, Việt Nam cần phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; thực hiện chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, là đối tác vì hòa bình, thịnh vượng và phát triển bền vững, với phương châm kết nối, liên kết, hợp tác, hòa giải và cùng phát triển. Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra chủ trương: “Chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu”⁽¹³⁾; “Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế”⁽¹⁴⁾.

Vận dụng trong hội nhập quốc tế, bảo vệ Tổ quốc

Nhìn tổng thể, trong quá trình mở cửa, hội nhập, Việt Nam đã chuyển từ tư duy hội nhập kinh tế sang hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; phát triển tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc phù hợp với tình hình. Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: “Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc”⁽¹⁵⁾.

Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Chủ động phối hợp với các quốc gia bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; xử lý các vấn đề an ninh phi truyền thống, tạo vành đai an ninh bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”⁽¹⁶⁾; đồng thời nêu rõ: “Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác”⁽¹⁷⁾.

2. Một số lý thuyết quan hệ quốc tế và ảnh hưởng đến việc xây dựng đường lối đối ngoại của Việt Nam

Bài viết tập trung phân tích ba lý thuyết cơ bản: lý thuyết Hiện thực, lý thuyết Tự do và lý thuyết Kiến tạo, là những lý thuyết mà các quốc gia thường dùng để giải thích quan hệ quốc tế, hoạch định chính sách đối ngoại.

Chủ nghĩa Hiện thực

Đây là trường phái lý thuyết lâu đời và quan trọng nhất trong quan hệ quốc tế. Những luận điểm cơ bản nhất của chủ nghĩa Hiện thực có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với tư duy hoạch định chính sách đối ngoại của các quốc gia:

Các nhà lãnh đạo chính trị phải tạo dựng sức mạnh tổng hợp để bảo vệ và tăng cường an ninh quốc gia. Phát huy nội lực, đồng thời tăng cường sức mạnh thông qua liên minh với nước khác để chống lại các mối đe dọa tiềm tàng. Các quốc gia phải tìm cách nâng cao quyền lực, tự bảo đảm an ninh và sự tồn tại của mình thông qua việc cố gắng giành được càng nhiều nguồn lực càng tốt. Tuy nhiên, cuộc chạy đua tranh giành quyền lực dẫn tới các quốc gia phải đối mặt với một “thế lưỡng nan về an ninh”. Bởi, khi một quốc gia càng tìm cách gia tăng quyền lực của mình thì càng làm cho các quốc gia khác bất an, buộc các quốc gia phải chạy đua gia tăng quyền lực nhằm bảo đảm an ninh và tránh các nguy cơ đe dọa.

An ninh quốc gia là động lực hợp tác giữa các quốc gia. Lý thuyết Hiện thực không loại trừ khả năng các quốc gia hợp tác với nhau trong vấn đề quản lý vũ khí hay vấn đề an ninh mang lại lợi ích chung, nhưng hợp tác là rất hiếm, bởi các quốc gia lo lắng về sự chia sẻ lợi ích có được từ sự hợp tác và lo ngại khả năng bị bội ước. Điều này dẫn tới việc các quốc gia luôn ở trong thế cạnh tranh và đối đầu lẫn nhau (trong nhiều trường hợp còn dưới hình thức chiến tranh, xung đột vũ trang), theo đuổi lợi ích quốc gia dưới dạng quyền lực, khiến cho

các quốc gia không thể duy trì việc hợp tác một cách lâu dài.

Vai trò quan trọng của quyền lực và các định chế quốc tế trong quan hệ quốc tế. Theo góc nhìn của chủ nghĩa Hiện thực, quyền lực vừa là động lực cho các chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia, vừa là khả năng ảnh hưởng làm thay đổi hành vi của các quốc gia hay tổ chức khác theo lợi ích của mình. Các nhà theo lý thuyết hiện thực công nhận vai trò của các định chế trong quan hệ quốc tế, theo đó các quốc gia tham gia các định chế quốc tế đều dựa trên những tính toán lợi ích riêng. Các định chế quốc tế được tạo dựng nhằm phục vụ lợi ích của nước nắm quyền bá chủ; định chế sẽ mất đi vai trò hoặc thậm chí bị giải thể khi nước bá chủ đạt được lợi ích hoặc thấy định chế đó không phục vụ hiệu quả lợi ích của họ⁽¹⁸⁾.

Ảnh hưởng của chủ nghĩa Hiện thực đến việc xây dựng đường lối đối ngoại của Việt Nam

Nhận thức rõ những khó khăn, thách thức đối với các quốc gia vừa và nhỏ khi tham gia các cơ chế toàn cầu, Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia nhiều tổ chức, định chế khu vực và quốc tế. Việc hội nhập và hình thành Cộng đồng ASEAN, tạo “sân chơi” riêng cho các nước vừa và nhỏ trong khu vực, nhằm bảo vệ lợi ích, an ninh cho các nước thành viên, gìn giữ hòa bình chung cho khu vực trước những toan tính, cạnh tranh chiến lược của các nước lớn.

Đó là sự vận dụng sáng tạo lý thuyết Hiện thực trong quá trình hoạch định và triển khai đường lối “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng”⁽¹⁹⁾ của Việt Nam.

Hiện nay, Việt Nam vẫn đang tiếp thu có chọn lọc những luận điểm của lý thuyết Hiện thực, thông qua các định chế đa phương quốc tế như ASEAN, Liên hợp quốc để bảo vệ lợi ích quốc gia, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Chủ nghĩa Tự do

Một số điểm quan trọng của chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế:

Lý luận về chủ thể quan hệ quốc tế, hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế. Đóng góp chủ yếu của chủ nghĩa Tự do trong nghiên cứu quan hệ quốc tế là phát triển lý luận về chủ thể quan hệ quốc tế; xây dựng cơ sở lý luận cho hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế; bổ sung thêm nhiều yếu tố có ảnh hưởng đến sự vận động của quan hệ quốc tế; đóng góp cho phương pháp luận và nhận thức luận nghiên cứu quan hệ quốc tế, đem lại niềm tin về khả năng thay đổi quan hệ quốc tế theo hướng tích cực hơn.

Giảm sử dụng quyền lực quân sự trong quan hệ quốc tế, an ninh và phát triển kinh tế. Lý thuyết chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế liên quan đến việc giảm sử dụng quyền lực quân sự; chứng minh luận điểm quyền lực kinh tế hiệu quả hơn so với sức mạnh quân sự. Theo lý thuyết Tự do, chính trị ở cấp độ quốc tế là cuộc đấu tranh vì sự đồng thuận và lợi ích chung hơn là cuộc đấu tranh vì quyền lực và vị thế.

Chủ nghĩa Tự do phân tích, phê phán các điều kiện mà con người đang sống, để tìm ra nguyên nhân gây ra chiến tranh, xung đột quốc tế. Dựa trên sự khoan dung, chung sống và các quyền về văn hóa, chính trị, dân chủ... để giải quyết xung đột. Chủ nghĩa tự do cho rằng, lợi ích kinh tế cũng quan trọng như lợi ích an ninh và xét cho cùng, phát triển kinh tế là một cách để bảo đảm an ninh; nguy cơ nghèo nàn, lạc hậu và tụt hậu về kinh tế đe dọa quốc gia từ bên ngoài cũng như từ bên trong. Vì vậy, phát triển kinh tế là ưu tiên hàng đầu, hợp tác quốc tế là cần thiết, đồng thời ở một góc độ nhất định, các thể chế quốc tế và công ty đa quốc gia có vai trò quan trọng hơn vì cần thiết cho hợp tác quốc tế cũng như phát triển kinh tế⁽²⁰⁾.

Vận dụng chủ nghĩa Tự do vào việc xây dựng đường lối đối ngoại ở Việt Nam

Vận dụng vào hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của Việt Nam. Trong hoạch định đường lối và chính sách đối ngoại, điều có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là nhận thức chính xác những xu thế phát triển của thế giới. Đây cũng là những căn cứ để Việt Nam hoạch định và triển khai đường lối chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

Trong hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng thể hiện sự tham khảo một số quan điểm trong lý thuyết Tự do, bao gồm ảnh hưởng chính trị trong nước đến hành vi của quốc gia, tác động của sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và vai trò của các quy chuẩn, thể chế quốc tế đối với việc hỗ trợ hợp tác quốc tế...

Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, góp phần giảm căng thẳng và xung đột khu vực. Điều đó được thực hiện thông qua việc tham gia các tổ chức, cơ chế, diễn đàn khu vực như: ASEAN, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF); Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); Diễn đàn Cấp cao Đông Á (EAS); hợp tác ASEAN+3; Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)... Thông qua hội nhập, chia sẻ công nghệ, xây dựng chương trình nghị sự trong các diễn đàn khu vực như ARF, EAS và các sáng kiến ngoại giao, tìm cách giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong khu vực bằng giải pháp hòa bình.

Chủ nghĩa Kiến tạo:

Một số điểm quan trọng của chủ nghĩa Kiến tạo về quan hệ quốc tế:

Bản sắc quốc gia là cơ sở quan trọng định hình mục tiêu, chính sách đối ngoại, phát triển của quốc gia. Theo lý thuyết Kiến tạo, bản sắc, các tiêu chuẩn, niềm tin và các giá trị cũng mang

tính cấu trúc và ảnh hưởng mạnh mẽ lên các hoạt động chính trị - xã hội. Lý thuyết Kiến tạo nhấn mạnh tầm quan trọng của những cấu trúc tiêu chuẩn so với cấu trúc vật chất. Theo đó, mỗi quốc gia có bản sắc riêng, giúp định hình các mục tiêu an ninh, chính sách đối ngoại hay phát triển kinh tế mà quốc gia đó theo đuổi. Tuy nhiên, cách thức mà các quốc gia hiện thực hóa các mục tiêu này như thế nào lại phụ thuộc vào bản sắc xã hội, hay là cách các quốc gia nhận thức về bản thân mình trong mối quan hệ với các quốc gia khác trong quan hệ quốc tế.

Các quốc gia xác định mục tiêu, chính sách đối ngoại và lợi ích quốc gia của mình dựa trên cơ sở bản sắc quốc gia. Mỗi quốc gia có thể có nhiều bản sắc khác nhau, các bản sắc này có thể mang tính hợp tác hoặc xung đột, và lợi ích của quốc gia cũng biến đổi tùy thuộc vào bản sắc mà quốc gia xác định. Nói cách khác, các quốc gia xác định lợi ích của mình bằng cách diễn giải bối cảnh xã hội mà họ tham gia. Lợi ích tự phát sinh bên trong mỗi chủ thể qua quá trình tương tác, xuất phát từ các đặc tính có được thông qua quá trình học hỏi hay các tiến trình giao tiếp khác. Đồng thời, phản ánh kinh nghiệm và vai trò quyền lực của chủ thể quốc gia.

Ảnh hưởng của chủ nghĩa Kiến tạo đến xây dựng đường lối đối ngoại của Việt Nam

Trong xây dựng đường lối đối ngoại, Đảng ta khẳng định rõ sự cần thiết tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Đồng thời, linh hoạt về sách lược, nâng cao khả năng chủ động ứng phó đối với những thách thức trong đời sống quốc tế, nhằm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa thuận lợi và nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước. Xác định rõ, giữ gìn và phát huy giá trị của

đất nước; mở cửa, hội nhập, giao lưu và hợp tác nhằm tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa, văn minh của nhân loại, đồng thời bảo vệ, bảo toàn các giá trị tốt đẹp, cao quý, bản sắc của nền văn hóa Việt Nam; bảo vệ bản sắc dân tộc gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ của văn hóa các dân tộc khác. Đồng thời, tỉnh táo trước mọi mưu đồ lợi dụng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế để áp đặt những giá trị của các nước lớn, của các thế lực cường quyền; phê phán và khắc phục bệnh tự ti, bất chước, lai căng, “hoa mắt” trước một số sản phẩm văn hóa của nước ngoài, làm mất đi bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Một số nhận xét

Thứ nhất, Việt Nam nhận thức rõ vấn đề và cách thức vận dụng phù hợp trong hoạch định

và triển khai chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế. Trước những biến động phức tạp, nhanh chóng, khó lường của tình hình thế giới và khu vực, nhất là những tác động từ đại dịch Covid-19, từ xung đột Nga-Ucraina và sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các quốc gia - dân tộc đều điều chỉnh chiến lược phát triển, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế để bảo vệ lợi ích, phát huy vị thế và vai trò của mình. Tuy nhiên, việc tham khảo, vận dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế để hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của mỗi nước có sự khác nhau, tùy vào tình hình mỗi nước.

Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam, đồng thời nghiên cứu, tham khảo, vận

dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế khác cho việc hoạch định chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của mình. Trong hơn 35 năm đổi mới, tư duy đối ngoại đổi mới của Đảng thể hiện trên những nội dung chính sau: đổi mới nhận thức về đặc điểm, mâu thuẫn, xu thế phát triển của thế giới; đổi mới quan điểm về các vấn đề an ninh và phát triển; dân tộc và giai cấp; tập hợp lực lượng; đổi mới tư tưởng chỉ đạo, phương châm đối ngoại.

Thứ hai, Việt Nam coi phát triển và bảo vệ đất

nước là mục tiêu xuyên suốt của mọi hoạt động đối ngoại, hoạt động đối ngoại phải bám sát và phục vụ mục tiêu phát triển của đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Điều đó đòi hỏi tất cả các trụ cột đối ngoại đều phải nỗ lực đóng góp vào thực hiện tầm nhìn và mục tiêu

phát triển đất nước, trong đó ngoại giao kinh tế là nòng cốt. Hoạt động đối ngoại là sự nối tiếp của chính sách đối nội, phục vụ ba yêu cầu gắn bó mật thiết, tác động lẫn nhau, là an ninh, phát triển và vị thế quốc tế của đất nước. Công tác đối ngoại cũng tranh thủ các mối quan hệ chính trị tốt đẹp để xử lý các vấn đề phức tạp trong hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế.

Đảng ta đã đổi mới mạnh mẽ tư duy về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Luôn kiên định đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia, dân tộc; quản lý và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển với các nước láng giềng; làm tốt công tác bảo hộ công dân. Hội nhập kinh tế quốc tế đã đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của Việt

Trong hơn 35 năm đổi mới, tư duy đối ngoại đổi mới của Đảng thể hiện trên những nội dung chính sau: đổi mới nhận thức về đặc điểm, mâu thuẫn, xu thế phát triển của thế giới; đổi mới quan điểm về các vấn đề an ninh và phát triển; dân tộc và giai cấp; tập hợp lực lượng; đổi mới tư tưởng chỉ đạo, phương châm đối ngoại.

Nam với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quốc tởu sớm, từ xa.

Luôn nhất quán và thực hiện đúng đắn, sáng tạo chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; vị thế, uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao, được bạn bè trên thế giới tin tưởng, nể trọng. Việt Nam chủ động lựa chọn tham gia các cơ chế, các diễn đàn khu vực và toàn cầu, vừa thích ứng với các trào lưu, xu thế chung của thế giới, vừa phục vụ một cách tốt nhất các lợi ích quốc gia dân tộc.

Thứ ba, Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, giữ vững ổn định, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; cải thiện đời sống nhân dân, củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân vào công cuộc đổi mới; nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Sau hơn 35 năm đổi mới, trên cơ sở lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam, đồng thời nghiên cứu, tham khảo, vận dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế cho việc hoạch định chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, “thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽²¹⁾. Đây là tiền đề để Việt Nam tiếp tục thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ,

đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, tạo nền tảng và điều kiện vật chất, tinh thần để thực hiện khát vọng phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 □

Ngày nhận: 22-3-2023; Ngày bình duyệt: 17-4-2-2023; Ngày duyệt đăng: 20-4-2023.

(1) Nguyễn Bằng Tường (Chủ biên): *Quan điểm Mác-xít về một số lý thuyết quan hệ quốc tế của các nước phương Tây hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.21.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.346.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Sđd, tr.320.

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.13, Sđd, tr.453.

(5), (7) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.69, 235-236.

(6) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.112.

(8), (9), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (19), (21) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.105-106, 164, 110, 161-162, 69, 162, 163, 281, 163, 164, 107.

(10) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.76.

(18) Xem: John Mearsheimer: “The False Promise of Institutions”, *International Security*, Vol 19. N0.3, 1994/1995, p 5-49.

(20) Nguyễn Hoàng Như Thanh: “Sự thống nhất của các trường phái lý luận QHQT Mô hình duy lý về hành vi quốc gia” <http://nghiencuuquocte.org/2016/05/24/mo-hinh-duy-ly-ve-hanh-vi-quoc-gia/more-16205>.